TÒA ÁN NHÂN DÂN **QUẬN HAI BÀ TRƯNG** **THÀNH PHỐ HÀ NỘI**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 172/2019/HSST
Ngày:12/9/2019

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Tòa án nhân dân quận Hai Bà Trưng, thành phố Hà Nội

- Thành phần hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Lương Thị Thu Hà

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Trần Thị Thọ

2. Bà Nguyễn Thị Cúc

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Lài - Thư ký Tòa án nhân dân quận Hai Bà Trưng, thành phố Hà Nội.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Hai Bà Trưng tham gia phiên tòa: Ông Đỗ M Tuấn - Kiểm sát viên

Hôm nay, ngày 12 tháng 9 năm 2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân quận Hai Bà Trưng, thành phố Hà Nội xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số 158/2019/HSST ngày 08 tháng 8 năm 2019 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 179/2019/QĐXXST-HS ngày 29 tháng 8 năm 2019 đối với bị cáo:

1. Nguyễn Đức M sinh năm 1987; HKTT và chỗ ở: Số B phố Bạch Mai, phường Bạch Mai, quận Hai Bà Trưng, thành phố Hà Nội; Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: không; giới tính: Nam; Nghề nghiệp: tự do; Văn hóa: 12/12; Con ông: Nguyễn Đức B; Con bà: Phạm Thị Thanh V ; Tiền án, tiền sự : Không

Nhân thân:

Năm 2009, Công an phường Bạch Mai, quận Hai Bà Trưng, thành phố Hà Nội bắt đi cai nghiện bắt buộc 48 tháng.

Danh chỉ bản số 218 ngày 19/6/2019, do Công an quận Hai Bà Trưng lập. Bị bắt khẩn cấp ngày 30/5/2019. Hiện bị cáo đang bị tạm giam tại Trại giam số 1.

Có mặt tại phiên tòa

2. Phạm Đức T sinh năm 1977; HKTT: Xóm M xã Vũ Đoài, huyện Vũ Thư, tỉnh Thái Bình; Chỗ ở: lang thang; Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: không; giới tính: Nam; Nghề nghiệp: tự do; Văn hóa: 9/12; Con ông: Phạm Văn V; Con bà: Hoàng Thị M ; Tiền án, tiền sự : Không

Danh chỉ bản số 219 ngày 19/6/2019, do Công an quận Hai Bà Trưng lập. Bị bắt khẩn cấp ngày 30/5/2019. Hiện bị cáo đang bị tạm giam tại Trại giam số 1.

Có mặt tại phiên tòa

Người bị hại:

1. Anh Lê Đức V, sinh năm 1996

HKTT: Số M Tổ S, phường Trưng Trắc, huyện Phúc Yên, tỉnh Vĩnh Phúc

Vắng mặt tại phiên tòa

2. Chị Đào Thu H, sinh năm 1977

HKTT: Nhà B khu đô thị Sài Đồng, phường Phúc Đồng, quận Long Biên, Hà Nội.

Vắng mặt tại phiên tòa

Nội dung vụ án:

Qua các tài liệu có trong hồ sơ vụ án quá trình điều tra, tranh luận tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng 19h00 ngày 28/5/2019, Nguyễn Đức M điều khiển xe máy Honda Future BKS: 29T5 - 9678 đi lòng vòng các tuyến phố mục đích để cướp giật tài sản. Khi đi đến đường Trần Đại Nghĩa – Hai Bà Trưng – Hà Nội, M phát hiện anh Lê Đức V (Sn: 1996; địa chỉ: P Khu TT.E2 Ngõ 128C Đại La - Hai Bà Trưng - Hà Nội) đang đi bộ dưới lòng đường, vừa đi vừa sử dụng điện thoại, M điều khiển xe máy vòng đi vòng lại nhiều lần để chờ anh V sơ hở sẽ cướp giật điện thoại. Khi anh V đi đến đối diện số nhà 71 Trần Đại Nghĩa, M điều khiển xe máy áp sát cùng chiều bên trái anh V rồi dùng tay phải giật chiếc điện thoại di động trên tay anh V rồi phóng xe đi thẳng hướng đi Đại La – Hai Bà Trưng. Khi đi được khoảng 10m thì M đút điện thoại xuống yên xe rồi ngồi lên. Sau đó , M gọi điện cho Phạm Đức T để bán chiếc điện thoại vừa cướp giật được. T đồng ý mua và hẹn M ra 41 Trường Chinh, phường Phương Liệt, quận Thanh Xuân, Hà Nội để xem máy. Tại đây, T kiểm tra điện thoại thấy bị khóa màn hình, biết là tài sản phạm pháp nên T chỉ trả M 2.000.000 đồng, M đồng ý bán. Khi M và T đã trao đổi mua bán xong, M nhận 2.000.000 đồng và 02 sim, T nhận điện thoại thì bị tổ công tác Công an phường Bách Khoa và đội Cảnh sát hình sự - Công an quận Hai Bà Trưng phối hợp cùng Công an phường Phương Liệt kiểm tra hành chính và đưa M, T cùng tang vật về trụ sở Công an phường Bách Khoa tiếp tục làm rõ.

Tại cơ quan điều tra, M và T khai nhận hành vi phạm tội như đã nêu trên.

Cơ quan điều tra đã tạm giữ của M 01 (một) xe máy Future BKS: 29T5-9678, 01 (một) điện thoại Samsung màu trắng đã qua sử dụng, số tiền 2.000.000đ (hai triệu đồng), 02 (hai) sim điện thoại (01 sim Vinaphone có số đuôi 11315 và 01 sim Viettel 4G có số đuôi 90839); tạm giữ của T 01 (một) điện thoại Nokia màu xanh, 01 (một) điện thoại Samsung Galaxy A50 màu đen.

Cơ quan điều tra đã ra yêu cầu định giá tài sản đối với số tài sản mà M cướp giật của anh V. Tại kết luận định giá số 60/KL-HĐ ĐGTS ngày 20/6/2019 của Hội đồng định giá tài sản trong tố tụng hình sự quận Hai Bà Trưng kết luận: *Giá trị tài sản cần định giá theo yêu cầu định giá tài sản số 94 ngày 13/6/2019 của Phó thủ trưởng cơ quan cảnh sát điều tra là: 3.500.000 đồng.*

Ngoài vụ cướp giật tài sản trên, quá trình điều tra cơ quan điều tra còn xác định Nguyễn Đức M đã thực hiện các vụ cướp giật tài sản khác cụ thể như sau:

Vụ thứ 1: Trưa ngày 15/2/2019, M điều khiển xe máy đi lòng vòng mục đích để cướp giật tài sản, khi đi gần đến số 89 Trần Đại Nghĩa hướng đi Đại Cồ Việt, M phát hiện chị Đào Thu H (Sn: 1977; địa chỉ: Số B KĐT Sài Đồng, phường Phúc Đồng, Long Biên, Hà Nội) đang đi bộ cùng chiều dưới lòng đường, có kẹp 01 túi xách tay ở bắp tay bên phải. Thấy chị H sơ hở, M đã điều khiển xe máy áp sát phía trong bên phải và dùng tay trái cướp giật chiếc túi xách và bỏ chạy đến Cầu Khỉ, phường Tương Mai, quận Hoàng Mai, Hà Nội. Tại đây M kiểm tra túi thấy có hơn 40.000.000 đồng tiền mặt và 01 chiếc điện thoại Iphone X màu trắng, M lấy tiền và điện thoại còn chiếc túi xách, M vứt xuống sông. Sau đó M điều khiển xe máy đến cửa hàng điện thoại của T tại 33 Nguyễn Đức Cảnh, phường Phương Mai, Hai Bà Trưng bán chiếc điện thoại. Khi xem điện thoại, T kiểm tra thấy máy bị khóa mật khẩu và hỏi M về nguồn gốc của chiếc máy thì M nói đó là điện thoại M vừa cướp giật được nhưng T vẫn mua với giá 5.000.000 đồng.

Sau khi bị cướp giật tài sản, chị Đào Thu H đã đến CAP Bách Khoa trình báo về việc bị cướp giật túi xách bên trong có 01 điện thoại Iphone X và số tiền 45.000.000 đồng.

Cơ quan điều tra đã dẫn giải M đi xác định vị trí vứt chiếc túi xách và rà soát nhưng chưa phát hiện thu giữ được chiếc túi xách trên.

Tại cơ quan điều tra, Phạm Đức T khai không nhớ về việc mua chiếc điện thoại trên của M.

Cơ quan điều tra đã ra yêu cầu định giá tài sản đối với số tài sản mà M cướp giật của chị H. Tại kết luận định giá số 60/KL-HĐ ĐGTS ngày 20/6/2019 của Hội đồng định giá tài sản trong tố tụng hình sự quận Hai Bà Trưng kết luận: *Giá trị tài sản cần định giá theo yêu cầu định giá tài sản số 94 ngày 13/6/2019 của Phó thủ trưởng cơ quan cảnh sát điều tra là: 15.000.000 đồng.*

Như vậy tổng trị giá tài sản mà M cướp giật của chị H là 60.000.000 đồng.

Vụ thứ 2: Khoảng 17h30 ngày 25/5/2019 M điều khiển xe máy đi cướp giật tài sản, khi đi qua sân bóng Bách Khoa, đường Lê Thanh Nghị, M phát hiện một phụ nữ đang đứng trên vỉa hè đang sử dụng điện thoại, M điều khiển xe máy vòng lại đi lên vỉa hè áp sát cùng chiều chị phụ nữ rồi cướp giật của chị ta một chiếc điện thoại Samsung J4. Sau khi tẩu thoát được M đã hẹn T ra cây xăng Mai Hương - 17 Hồng Mai, Hà Nội để bán điện thoại, tại đây M đã bán cho T chiếc điện thoại với giá 1.500.000 đồng.

Tại cơ quan Công an, Phạm Đức T khai nhận sau khi mua chiếc thoại trên đã bán cho người không quen biết với giá 1.700.000 đồng.

Hiện chưa xác định được bị hại của vụ việc trên.

Vụ thứ 3: Vào cuối tháng 4/2019, M điều khiển xe máy đi lòng vòng trên phố Lê Thanh Nghị để cướp giật tài sản, khi đi vào ngõ 37 Lê Thanh Nghị, M phát hiện 02 phụ nữ đang đứng trước cửa siêu thị Circle - Số 4 ngõ 37 Lê Thanh Nghị đang sử dụng điện thoại, M điều khiển xe máy vòng ra đằng sau rồi áp sát dùng tay trái cướp giật được 01 điện thoại Iphone X mầu trắng rồi phóng xe bỏ chạy. Sau khi tẩu thoát M đã gọi điện cho T hẹn gặp ở cạnh cây xăng Mai Hương để bán, tại đây M đã bán chiếc máy cho T với giá 5.000.000 đồng.

Tại cơ quan Công an, Phạm Đức T khai nhận sau khi mua chiếc điện thoại trên đã bán cho người không quen biết với giá 5.500.000 đồng.

Hiện chưa xác định được bị hại của vụ việc trên.

Vụ thứ 4: Vào tháng 01/2019 M điều khiển xe máy đi trên phố Lê Thanh Nghị để cướp giật tài sản, khi đi đến khu vực sân bóng Bách Khoa, M phát hiện 01 phụ nữ đang đứng trên vỉa hè sử dụng điện thoại, M đã điều khiển xe áp sát và cướp giật của người phụ nữ 01 điện thoại Iphone 6 Plus mầu hồng sau đó điều khiển xe đến 33 Nguyễn Đức Cảnh bán cho T với giá 1.800.000 đồng.

Phạm Đức T khai nhận sau khi mua chiếc thoại trên đã bán cho người không quen biết với giá 2.000.000 đồng.

Hiện chưa xác định được bị hại của vụ việc trên.

Đối với chiếc điện thoại Samsung Galaxy A50 màu đen và 02 (hai) chiếc sim điện thoại (01 sim Vinaphone có số đuôi 11315 và 01 sim Viettel 4G có số đuôi 90839) là tài sản mà M cướp giật của anh Lê Đức V. Ngày 12/7/2019, cơ quan điều tra đã ra quyết định xử lý vật chứng trao trả các tài sản trên cho anh V. Anh V đã nhận lại tài sản và không có yêu cầu bồi thường gì khác.

Đối với chiếc xe máy Future BKS: 29T5-9678 tạm giữ của M, M khai mượn của bố đẻ là ông Nguyễn Đức B để đi lại. Qua xác M xe có số khung số máy là số nguyên thủy, xe không nằm trong cơ sở dữ liệu xe tang vật. Chủ xe mang tên Dương Thị H (địa chỉ: Xã Hóa Thượng, huyện Đồng Hỷ, tỉnh Thái Nguyên). Quá trình điều tra xác M hiện chưa xác định được người mang tên Dương Thị H nên ngày 26/7/2019, cơ quan điều tra đã ra quyết định tách phần tài liệu liên quan đến chiếc xe máy trên để làm rõ xử lý sau.

Đối với các vụ cướp giật khác do Nguyễn Đức M và Phạm Đức T khai nhận, cơ quan điều tra đã tiến hành đăng báo nhưng chưa xác định được người bị hại. Ngày 26/7/2019, cơ quan điều tra đã ra quyết định tách phần tài liệu liên quan đến các hành vi trên của M và T để làm rõ xử lý sau.

Tại bản cáo trạng số 162/CT-VKS-HBT ngày 06/8/2019 của Viện kiểm sát nhân dân quận Hai Bà Trưng, thành phố Hà Nội truy tố Nguyễn Đức M về Tội Cướp giật tài sản theo điểm c, d khoản 2 Điều 171 BLHS và Phạm Đức T về Tội Tiêu thụ tài sản do người khác phạm tội mà có theo khoản 1 Điều 323 BLHS.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Hai Bà Trưng, thành phố Hà Nội phân tích nội dung vụ án, đánh giá tính chất mức độ phạm tội, nhân thân của bị cáo và vẫn giữ nguyên quan điểm truy tố; đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng điểm c, d khoản 2, khoản 5 Điều 171 BLHS; điểm g khoản 1 Điều 52; điểm s khoản 1 Điều 51 BLHS xử phạt Nguyễn Đức M từ 4 năm đến 5 năm tù, phạt bị cáo M 10 triệu đồng; áp dụng khoản 1 Điều 323 BLHS xử phạt bị cáo Phạm Đức T 6 tháng đến 9 tháng tù, phạt bị cáo T 5 triệu đồng.

Các bị cáo khai nhận hành vi phạm tội của mình như nội dung bản cáo trạng và đề nghị Hội đồng xét xử giảm nhẹ hình phạt.

Người bị hại vắng mặt tại phiên tòa có đầy đủ lời khai và Anh V không có yêu cầu gì; chị H yêu cầu bị cáo M bồi thường 60 triệu đồng.

Nhận định của Hội đồng xét xử:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

Về hành vi, Quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an quận Hai Bà Trưng, thành phố Hà Nội, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân quận Hai Bà Trưng, thành phố Hà Nội, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng Hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo, người bị hại không có người nào có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, Quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, Quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã được thực hiện đều hợp pháp.

Lời khai nhận tội của bị cáo M tại phiên tòa phù hợp với lời khai tại cơ quan điều tra, có đủ cơ sở kết luận: Khoảng 19 giờ ngày 28/5/2019, tại khu vực đối diện số nhà 71 Trần Đại Nghĩa, phường Bách Khoa, quận Hai Bà Trưng, thành phố Hà Nội, Nguyễn Đức M điều khiển xe máy Future BKS: 29T5-9678 dùng tay phải cướp giật 01 điện thoại di động Samsung Galaxy A50 màu đen trị giá 3.500.000 đồng của anh Lê Đức V. Trước đó ngày 15/02/2019, M đã có hành vi cướp giật 01 túi xách dạng ví bên trong có 01 chiếc điện thoại Iphone X màu trắng trị giá 15.000.000 đồng và số tiền 45.000.000 đồng của chị Đào Thu H.

Ngày 28/5/2019, Nguyễn Đức M sau khi cướp giật được điện thoại Samsung Galaxy A50 đã mang bán cho Phạm Đức T. T nhận thức được điện thoại đó không phải của M, do phạm tội mà có nhưng T ham rẻ nên đã đồng ý mua của M với giá 2.000.000 đồng. T và M đã giao nhận tiền và điện thoại xong thì bị cơ quan công an kiểm tra bắt giữ. Hành vi của Phạm Đức T đã đủ cấu thành tội Tiêu thụ tài sản do người khác phạm tội mà có.

Ngày 15/2/2019, M khai cướp giật được điện thoại Iphone X của chị Đào Thu H và bán lại cho T. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, T khai không nhớ về việc mua chiếc điện thoại trên của M. Ngoài lời khai của M, không có nhân chứng hay thu thập được chứng cứ tài liệu chứng M T đã mua chiếc điện thoại trên của M.

Đối với hành với hành vi Tiêu thụ tài sản do người khác phạm tội mà có của Phạm Đức T có dấu hiệu phạm tội nhiều lần. Nhưng ngoài lời khai của M, không có nhân chứng, chứng cứ, tài liệu nào khác chứng M T có hành vi tiêu thụ tài sản do người khác phạm tội mà có vào ngày 15/2/2019. Theo nguyên tắc suy đoán vô tội, chưa đủ căn cứ xác định bị cáo T có hành vi Tiêu thụ tài sản do người khác phạm tội mà có vào ngày 15/2/2019.

Ngoài ra, các bị cáo còn khai ra các hành vi cướp giật và tiêu thụ tài sản do người khác phạm tội mà có vào khoảng tháng 1/2019; tháng 4/2019, ngày 25/5/2019 nhưng do chưa tìm được bị hại, Cơ quan điều tra đã tách để xử lý sau nên Tòa không xem xét.

Hành vi của các bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, xâm phạm đến sức khỏe, tài sản của người khác, xâm phạm quyền tự do thân thể của người khác được pháp luật bảo vệ. Viện kiểm sát nhân dân quận Hai Bà Trưng truy tố Nguyễn Đức M về Tội Cướp giật tài sản theo điểm c, d khoản 2 Điều 171 BLHS và Phạm Đức T về Tội Tiêu thụ tài sản do người khác phạm tội mà có theo khoản 1 Điều 323 BLHS là đúng người, đúng tội, đúng pháp luật.

Về tình tiết tăng nặng: bị cáo Nguyễn Đức M phạm tội nhiều lần theo điểm g khoản 1 Điều 52 BLHS.

Về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: tại cơ quan điều tra và tại phiên tòa, các bị cáo khai báo thành khẩn, ăn năn hối cải cho các bị cáo hưởng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự tại điểm s khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự. Bị cáo T có nhân thân tốt, chưa có tiền án, tiền sự, phạm tội lần đầu thuộc trường hợp ít nghiêm trọng. Bị cáo T có hoàn cảnh gia đình khó khăn, bố bị cáo là thương binh bị nhiễm chất độc hóa học, tỷ lệ tổn thương cơ thể 81%, em bị cáo bị thần kinh mức độ nặng cho bị cáo T hưởng tình tiết giảm nhẹ theo quy định tại điểm i khoản 1, khoản 2 Điều 51 BLHS.

Về hình phạt bổ sung: theo quy định tại khoản 5 Điều 171; khoản 5 Điều 323 Bộ luật Hình sự 2015 sửa đổi năm 2017 quy định người phạm tội còn có thể bị áp dụng hình phạt bổ sung là hình phạt tiền. Tuy nhiên, theo các tài liệu, chứng cứ và lời khai của các bị cáo tại phiên tòa cho thấy các bị cáo không có nghề nghiệp, không có thu nhập, hoàn cảnh gia đình khó khăn nên Hội đồng xét xử quyết định không áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền đối với các bị cáo.

Về trách nhiệm dân sự: Anh Lê Đức V đã nhận lại tài sản, không yêu cầu gì nên Tòa không xem xét. Chị Đào Thu H yêu cầu bị cáo Nguyễn Đức M bồi thường 60.000.000 đồng (sáu mươi triệu đồng), bị cáo M đồng ý, buộc bị cáo M phải bồi thường cho chị H số tiền 60.000.000 đồng (sáu mươi triệu đồng).

Về xử lý vật chứng: Tịch thu xung quỹ nhà nước số tiền 2.000.000 đồng; 01 điện thoại Samsung màu trắng dạng gấp và 01 điện thoại Nokia màu xanh vì các tài sản trên liên quan đến hành vi phạm tội của các bị cáo.

Về án phí: Các bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm, dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Về quyền kháng cáo: Các bị cáo, những người bị hại có quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

Quyết định

Tuyên bố bị cáo Nguyễn Đức M phạm Tội cướp giật tài sản; bị cáo Phạm Đức T phạm Tội tiêu thụ tài sản do người khác phạm tội mà có.

Áp dụng điểm c, d khoản 2 Điều 171; điểm g khoản 1 Điều 52; điểm s khoản 1 Điều 51; Điều 38 Bộ luật hình sự năm 2015 sửa đổi năm 2017.

Xử phạt: Nguyễn Đức M 04 (bốn) năm 06 (sáu) tháng tù về tội Cướp giật tài sản, thời hạn tù tính từ ngày 30/5/2019.

Áp dụng khoản 1 Điều 323; điểm i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 38 Bộ luật hình sự năm 2015 sửa đổi năm 2017.

Xử phạt: Phạm Đức T 06 (sáu) tháng tù về tội Tiêu thụ tài sản do người khác phạm tội mà có, thời hạn tù tính từ ngày 30/5/2019.

Về trách nhiệm dân sự:

Áp dụng Điều 46; Điều 48 Bộ luật hình sự

Buộc bị cáo Nguyễn Đức M phải bồi thường cho chị Đào Thu H số tiền 60.000.000 đồng (sáu mươi triệu đồng).

Về xử lý vật chứng:

Áp dụng Điều 47 Bộ luật hình sự 2015, Điều 106 Bộ luật Tố tụng Hình sự 2015;

Tịch thu xung quỹ nhà nước số tiền 2.000.000 đồng (hai triệu đồng); 01 điện thoại Samsung màu trắng dạng gấp có số Imei: 353603056453222 và 01 điện thoại Nokia màu xanh có số Imei: 354563050327229.

Các vật chứng trên hiện đang bảo quản tại Chi cục thi hành án dân sự quận Hai Bà Trưng, thành phố Hà Nội theo biên bản giao nhận vật chứng ngày 02/8/2019 và giấy nộp tiền vào tài khoản ngày 06/8/2019 giữa Cơ quan cảnh sát điều tra Công an quận Hai Bà Trưng, thành phố Hà Nội và Chi cục thi hành án dân sự quận Hai Bà Trưng, thành phố Hà Nội.

Về án phí:

Áp dụng Điều 136 Bộ luật Tố tụng Hình sự 2015; Điều 23 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Buộc các bị cáo Nguyễn Đức M, Phạm Đức T mỗi phải chịu 200.000 đồng (hai trăm nghìn đồng) án phí hình sự sơ thẩm. Buộc bị cáo Nguyễn Đức M phải chịu 3.000.000 đồng (ba triệu đồng) án phí dân sự sơ thẩm.

Về quyền kháng cáo:

Áp dụng các Điều 331 và 333 của Bộ luật Tố tụng Hình sự 2015:

Các bị cáo có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Những người bị hại có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết công khai.

TM.Hội đồng xét xử

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Nơi nhận:
- Bị cáo; Người bị hại.
- Viện kiểm sát quận Hai Bà Trưng;
- Công an quận Hai Bà Trưng;
- Lưu hồ sơ

Lương Thị Thu Hà